

DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LLCT - HC HỆ TẬP TRUNG
KHÓA HỌC 2018 - 2019, MỞ TẠI TRUNG TÂM HL & BDNV CÔNG AN TỈNH ĐẮK LẮK

Thi phần V.3: Nghiệp vụ công tác Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân ở cơ sở

Thời gian làm bài: 135 phút;

Ngày thi: Ngày 09 tháng 10 năm 2019;

Sbd	Họ và	Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ	
01	Y Xanh	Adrong	03/6/1988	02		33	7.5	Bảy bảy năm	
02	Y Thir	Adrong	23/7/1988	02		52	7.5	Bảy năm	
03	Nay Y	Am	26/6/1985	02		24	7.5	Bảy năm	
04	Lê Tấn	An	12/5/1994	02		2	7.5	Bảy năm	
05	Phạm Ngọc	Anh	19/12/1993	02		54	7.5	Bảy năm	
06	Y Thoen	Ayun	28/10/1991	02		32	7.5	Bảy năm	
07	Y Ngọc	Ayun	15/7/1984	02		31	7.5	Bảy bảy năm	
08	Triệu Văn	Bình	26/3/1984	02		26	7.5	Bảy bảy năm	
09	Y Thê	Buôn Đại	23/9/1995	02		38	7.5	Bảy bảy năm	
10	Y Kéo	Byã	20/12/1993	02		66	7.5	Bảy năm	
11	Nông Thanh	Cảnh	09/5/1993	02		7	8.0	Tám	
12	Trần Văn	Chung	05/8/1991	Nghỉ học					
13	Nguyễn Văn	Cường	04/04/1988	02		23	8.0	Tám	
14	Hà Vũ	Đại	10/10/1990	02		44	8.0	Tám	
15	Ngô Kim	Đăm	10/01/1996	02		13	7.5	Bảy bảy năm	
16	Nguyễn Văn	Đàn	18/5/1983	02		22	8.0	Tám	
17	Lê Bảo	Dòng	16/8/1986	02		58	7.5	Bảy bảy năm	
18	Nguyễn Văn	Đồng	26/4/1982	02		64	7.5	Bảy năm	
19	Lộc Văn	Du	17/5/1990	02		36	7.5	Bảy năm	
20	Y Nhị Thần	Du	24/10/1994	02		42	7.5	Bảy bảy năm	

1

Sbd	Họ và Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
21	Chu Đình Đức	10/10/1986	02		8	775	Đầy, bảy năm
22	Trịnh Quang Dương	15/8/1996	02		10	75	Đầy, năm
23	Y Na Êban	01/02/1979	02		16	75	Đầy, năm
24	Y Đen Êban	20/4/1990	02		11	80	Đầy
25	H' Hiệp Glan	13/9/1992	02		13	775	Đầy, bảy năm
26	Triệu Văn Hải	26/12/1982	02		9	775	Đầy, bảy năm
27	Nguyễn Văn Hiên	06/5/1990	02		18	775	Đầy, bảy năm
28	Trà Tấn Hiếu	10/4/1993	02		15	75	Đầy, năm
29	Y Gřen Hmok	15/6/1987	02		10	725	Đầy, hai năm
30	Y Thu Hmők	10/8/1982	03		61	80	Đầy
31	Lê Quốc Hòa	26/9/1992	02		18	775	Đầy, bảy năm
32	Nguyễn Văn Hoài	16/12/1983	02		1	775	Đầy, bảy năm
33	Phùng Văn Hoan	22/10/1989	02		65	75	Đầy, năm
34	Lê Hoàng	27/8/1993	02		56	775	Đầy, bảy năm
35	Nông Văn Học	02/01/1986	02		68	75	Đầy, năm
36	Nguyễn Mạnh Hùng	04/10/1985	Đã học lớp A47A				
37	Hoàng Huy Hùng	14/7/1992	02		70	725	Đầy, hai năm
38	Ngô Mạnh Hùng	06/9/1995	02		11	775	Đầy, bảy năm
39	Nguyễn Anh Hùng	06/10/1986	02		3	775	Đầy, bảy năm
40	Phạm Trường Huy	16/07/1990	Không học môn này				
41	Phạm Phi Khánh	12/05/1995	Nghỉ học				
42	Nguyễn Trịnh Khoa	30/10/1988	01		35	70	Đầy
43	Nguyễn Ngọc Quý Linh	03/11/1996	02		71	725	Đầy, hai năm
44	Lữ Đình Long	10/4/1984	02		67	725	Đầy, hai năm
45	Trần Văn Long	21/02/1990	02		25	75	Đầy, năm
46	Nguyễn Thanh Minh	26/9/1987	02		27	80	Đầy

Sbd	Họ và Tên	Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
47	Y Cường	Miô	13/6/1987	02		17	7.75	hạng 1, hai năm
48	Trần Hữu	Nam	02/02/1990	02		47	7.5	hạng 1, năm
49	Trần Phương	Nam	02/01/1992	Nghỉ học				
50	Ma Văn	Nghĩa	01/8/1992	02		20	7.75	hạng 1, hai năm
51	Trương Hữu	Nghĩa	03/10/1989	02		19	7.75	hạng 1, hai năm
52	Nguyễn Văn	Nguyễn	11/8/1992	02		37	7.5	hạng 1, năm
53	Y Phước	Niê	13/01/1990	Nghỉ học				
54	Y Mop	Niê	10/01/1988	02		69	7.5	hạng 1, năm
55	Y Dhiêu	Pang Sur	21/7/1983	02		50	7.5	hạng 1, năm
56	Nguyễn Đình	Phát	10/1/1993	Không học môn này				
57	Phan Trần	Phú	01/01/1990	02		55	7.5	hạng 1, năm
58	Nguyễn Gia	Quốc	02/02/1985	02		72	7.5	hạng 1, năm
59	Võ Thái	Quốc	10/12/1992	01		15	7.75	hạng 1, hai năm
60	Ngô Đức	Quyên	04/5/1992	02		49	7.75	hạng 1, hai năm
61	Y Bel	Rơ Ong	22/03/1987	02		63	7.75	hạng 1, hai năm
62	Đặng Hồng	Sĩ	03/6/1986	02		6	8.0	hạng 1, năm
63	Phan Quốc	Son	24/8/1995	02		16	7.75	hạng 1, hai năm
64	Phan Văn	Thanh	23/5/1983	02		12	7.75	hạng 1, hai năm
65	Vi Ngọc	Thành	01/02/1982	Nghỉ học				
66	Ngô Tất	Thành	10/9/1990	02		39	8.0	hạng 1, năm
67	Hồ Hữu	Thịnh	06/10/1985	02		53	7.75	hạng 1, hai năm
68	Bùi Văn	Thức	14/02/1987	02		5	8.0	hạng 1, năm
69	Trần Văn	Thương	11/12/1985	02		28	7.5	hạng 1, năm
70	Lê Quang	Tĩnh	18/12/1981	Nghỉ học				
71	Nguyễn Tiến	Trà	28/02/1995	02		34	7.5	hạng 1, năm
72	Trịnh Công	Trình	15/3/1985	02		21	8.0	hạng 1, năm

Sbd	Họ và	Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ	
73	Đỗ Tấn	Trình	10/6/1986	02		51	75	bảy, năm	
74	Nguyễn Thành	Trung	30/11/1990	02		54	75	bảy, năm	
75	Nguyễn Thành	Trung	25/02/1991	02		59	75	bảy, năm	
76	Hoàng Văn	Tuấn	16/03/1991	Không học môn này					
77	Nguyễn Xuân	Tường	16/6/1986	02		30	75	bảy, bảy, năm	
78	Hà Văn	Tuyển	02/5/1983	02		57	75	bảy, bảy, năm	
79	Nguyễn Đình	Tý	05/9/1987	02		29	8,0	học	
80	Nguyễn Hoàng Thanh Vân		10/12/1994	Không học môn này					
81	Nay	Vinh	20/11/1991	02		62	75	bảy, bảy, năm	
82	Trịnh Quang	Vũ	04/9/1997	01		60	6,5	sáu, bảy, năm	
83	Vũ Minh	Vương	16/02/1994	02		1	75	bảy, năm	

Tổng số : 135 tờ / 72 bài

GIÁM THỊ 1

Phạm Thị Phụng

Ngày .. 16 .. tháng .. 10 .. năm 2019

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Nguyễn Văn Cường

BAN GIÁM HIỆU

ThS. Ngô Sáu

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

1/1/11

GIÁM THỊ 2

Ra Lan Nguyệt

Ngày .. 15 .. tháng .. 10 .. năm 2019

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Đan Thị Mai
TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Đức Nam